



Prabina Bhujel, Fall 2024



River Eagles, Fall 2024



Kathleen Lutz, Fall 2024



Sue Kim, Fall 2024



Ryleigh Pardy, Fall 2024



Melissa Kim, Fall 2024



Libby Oram, Fall 2024



Rivin Hewage, Fall 2024



Meena Mukund, Fall 2024



Mia Sterling, Fall 2024

Clay Vessel

___/10 Idea development

Criteria for your finished Clay Vessel:

Clay skills

Strength, balance and surface finish

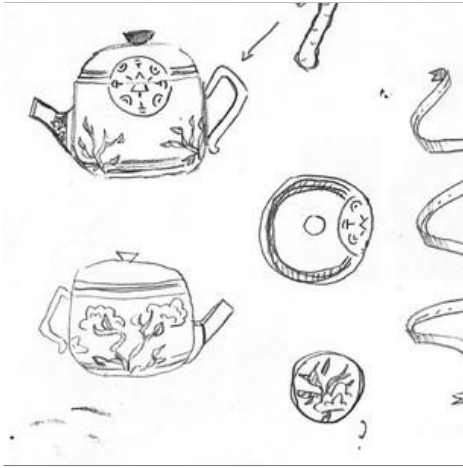
Quality of Carving

Complexity, quality, fullness, and craft

Daily Clean-up Habits

Cleaning table & floor to be streak-free

Building your vessel step by step



1. Develop your **idea** first!
Phát triển ý tưởng của bạn đầu tiên!



2. Divide your clay into four pieces: one for a **base**, two for **coils**, and one for **everything else** and for emergencies.
Chia đất sét của bạn thành bốn mảnh: một cho một cơ sở, hai cho cuộn dây và một cho mọi thứ khác và cho các trường hợp khẩn cấp.



3. Make the **bottom**: a disc of clay that is 1-1.5 cm thick and 7-10 cm in diameter. **Store any leftovers** in your bag.
Làm cho đáy: một đĩa đất sét dày 1-1,5 cm và đường kính 7-10 cm. Lưu trữ bất kỳ thức ăn thừa trong túi của bạn.



7. **Stretch** the coils by **spreading** your fingers while rolling.
Kéo dài các cuộn dây bằng cách lan rộng ngón tay của bạn trong khi lăn.



8. **Smear** your coils together using only **one finger** or one thumb.
Làm mịn các cuộn dây của bạn với nhau chỉ bằng một ngón tay hoặc một ngón tay cái.



9. **Don't pinch** on either side because you will make your pot very dry and thin.
Đon lồng nhúm ở hai bên vì bạn sẽ làm cho nôi của bạn rất khô và mỏng.



13. Add a **foot** by attaching a coil.
Thêm một chân bằng cách gắn một cuộn dây.



14. **Scribe** and then **trim the lip**.
Scribe và sau đó cắt đôi môi.



15. Coat your pot with **white slip**. Let it dry and add coats until there are **no streaks**.
Phủ nôi của bạn với trượt trắng. Để nó khô và thêm áo khoác cho đến khi không có vết.



4. Keep it fairly **rough** because smoothing it will dry it out.
Giữ nó khá thô vì làm mịn nó sẽ làm khô nó.



5. Make a series of **coils** that are about 1-1.5cm thick.
Tạo một loạt các cuộn dây dày khoảng 1-1,5cm.



6. Remember that you are **not squeezing** the coils. **Work quickly!**
Hãy nhớ rằng bạn không siết chặt các cuộn dây. Làm việc nhanh chóng!



10. **Smooth the inside** with your **fingers**. If you can't reach, it is OK.
Làm mịn bên trong bằng ngón tay của bạn. Nếu bạn có thể đạt được, nó là ok.



11. Shape your vessel by **paddling** it with a wooden spoon or stick.
Định hình tàu của bạn bằng cách chèo nó bằng một cái muỗng hoặc gậy gỗ.



12. Shave it with a **knife**. Then **smooth** it with a metal/plastic/silicone **rib**.
Cạo nó bằng một con dao. Sau đó làm mịn nó bằng một xương sườn kim loại/nhựa/silicone.



16. Do a very **light rough sketch** of your drawing on your pot.
Thực hiện một bản phác thảo rất nhẹ của bản vẽ của bạn trên nôi của bạn.



17. Take a sharpened pencil and **carve through the slip** into the brown clay.
Lấy một cây bút chì sắc nét và khắc qua tấm trượt vào đất sét màu nâu.



18. Finally, carve your **name** on the bottom.
Cuối cùng, khắc tên của bạn ở phía dưới.

Clay vessel evaluation criteria

Tiêu chí đánh giá bình đất sét

Clay skills

Kỹ năng đất sét

The strength, balance, and surface finish of your clay vessel.

Sức mạnh, sự cân bằng và độ hoàn thiện bề mặt của bình đất sét của bạn.

Quality of carving

Chất lượng chạm khắc

The complexity, quality, fullness, and craft of the patterns and line drawing on your vessel.

Sự phức tạp, chất lượng, đầy đủ và thủ công của các hoa văn và đường vẽ trên tàu của bạn.

Daily clean-up habits

Thói quen dọn dẹp hàng ngày

Cleaning your table and floor so it is clean and has no streaks.

Làm sạch bàn và sàn nhà của bạn để nó sạch sẽ và không có vết.

Từ vựng về bình đất sét

apron

tạp dề

a piece of cloth that you wear to protect your clothes from getting dirty.

một mảnh vải mà bạn mặc để bảo vệ quần áo của bạn khỏi bị bẩn

carving

chạm khắc

scratching into clay to change its shape or to make a picture or pattern

cào vào đất sét để thay đổi hình dạng hoặc để tạo ra một bức tranh hoặc hoa văn

ceramic

gốm sứ

a material that starts soft like clay, but then becomes very hard after it is cooked to a very high temperature

một vật liệu ban đầu mềm như đất sét, nhưng sau đó trở nên rất cứng sau khi được nấu ở nhiệt độ rất cao

clay

đất sét

a soft material used for making pots, bricks, and sculptures that becomes very hard when it is heated up.

một vật liệu mềm dùng để làm chậu, gạch và các tác phẩm điêu khắc, trở nên rất cứng khi đun nóng.

coil

xôn xao

a thin piece of clay that looks like a snake

một mảnh đất sét mỏng trông giống như một con rắn

earthenware

đồ đất nung

a kind of clay that is fired to a lower temperature and that needs to be glazed before becoming watertight

một loại đất sét được nung ở nhiệt độ thấp hơn và cần được tráng men trước khi trở nên kín nước

foot

chân

the bottom of a pot where it sits on a table

đáy nổi đặt trên bàn

glaze

Kem phủ lên bánh

a material that you can paint onto ceramic that turns into glass when fired in a kiln

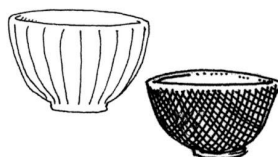
một vật liệu mà bạn có thể vẽ lên gốm và biến thành thủy tinh khi nung trong lò nung

glazing kính	for clay: brushing on a paint-like layer to a pot that will later become a layer of glass; for painting: using very thin transparent layers of paint to change the colour đối với đất sét: quét một lớp giống như sơn lên chậu, sau này sẽ trở thành lớp thủy tinh; để vẽ: sử dụng các lớp sơn trong suốt rất mỏng để thay đổi màu sắc
handle xử lý	the part of something that is used to lift or carry it một phần của cái gì đó được sử dụng để nâng hoặc mang nó
kiln lò nung	an oven used to heat up clay enough to become a hard ceramic lò nung dùng để nung đất sét đủ để trở thành gốm cứng
lid Nắp	the top of a pot that you can take off phần trên của cái nồi mà bạn có thể tháo ra
lip môi	the top edge of a pot cạnh trên của một cái nồi
paddling chèo thuyền	hitting clay with wood to make it stronger, smoother, and a better shape đánh đất sét với gỗ để làm cho nó cứng hơn, mịn hơn và có hình dạng đẹp hơn
pattern mẫu	a drawing that repeats in a beautiful way một bức vẽ lặp đi lặp lại một cách đẹp đẽ
pinch nhón	squeezing something between your thumb and finger bóp thứ gì đó giữa ngón tay cái và ngón tay của bạn
rib xương sườn	a piece of silicone or wood used to smoothly shape some clay một miếng silicone hoặc gỗ dùng để tạo hình một số đất sét một cách trơn tru
score điểm	carve Xs or parallel lines to help join clay together with slip khắc các chữ X hoặc các đường song song để giúp đất sét dính vào nhau dễ trượt hơn
scraper cái nạo	a piece of thin metal or plastic used to shave off thin pieces of clay một miếng kim loại mỏng hoặc nhựa dùng để cạo những mảnh đất sét mỏng
scribe người ghi chép	mark an even and straight line đánh dấu một đường thẳng và đều
shave cạo râu	scrape bumps and fuzz from the surface of something cạo các vết sưng và lông tơ trên bề mặt của thứ gì đó
slip trượt	a liquid clay that you can use like glue to attach things together, or paint onto your clay to change its colour một loại đất sét lỏng mà bạn có thể sử dụng như keo để gắn các thứ lại với nhau hoặc sơn lên đất sét để thay đổi màu sắc
stretch kéo dài	pulling something to make it longer kéo cái gì đó để làm cho nó dài hơn
terracotta đất nung	an unglazed reddish-brown earthenware clay đất sét nung màu nâu đỏ không tráng men
transfer chuyển khoản	to move or copy something để di chuyển hoặc sao chép một cái gì đó
trim cắt tỉa	remove extra clay with a tool loại bỏ đất sét thừa bằng dụng cụ

BOWLS

wan, hachi

碗、鉢



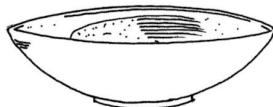
RICE BOWLS
御飯茶碗
gohan jawan



DONBURI * BOWL
丼鉢
donburi bachi
* Rice covered with egg and / or vegetables and meat.



LARGE BOWL
大鉢
ōbachi



LARGE WIDE DISH
平鉢
hirabachi



NESTING BOWLS
入れ子
ireko



SMALL BOWLS
小鉢
kobachi



LARGE PLATE
大皿
ōzara



SOBA* CUPS
そば猪口
soba choko

* Buckwheat noodles - the cup is for the sauce into which they are dipped.

OTHER POTS

CHINESE SPOON
散り蓮華
chirirenge



CHAWAN MUSHI* POT
茶碗蒸し碗
chawan mushi wan
*A steamed, savoury egg custard.



PICKLE POTS
漬物鉢
tsukemono bachi



TIERED BOX
段重、重ね鉢
danjū,
kasane bachi



DISH WITH HANDLE
手鉢
tebachi

90

shokki
食器

COOKING AND EATING



GRATING DISHES
おろし皿
oroshi zara



SOY SAUCE JUGS
しょうゆ差し
shōyū sashi



SESAME SEED ROASTER
ゴマ煎り
goma iri

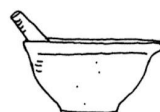


SMALL PICKLE POTS
珍味壺
chinmi tsubo

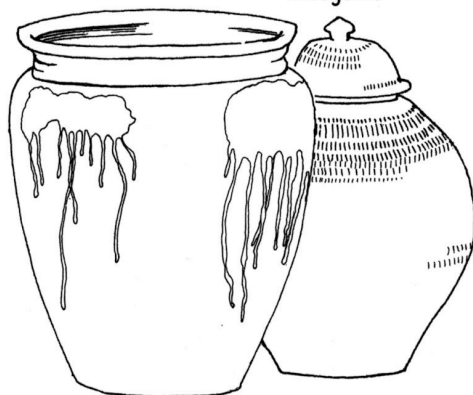


PICKLE MAKING POT
漬物鉢
tsukemono bachi

the heavy lid acts as a weight to press down the pickles inside.



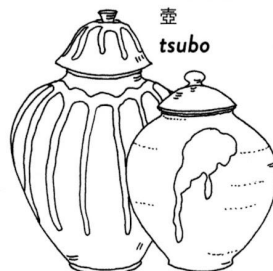
MORTAR / GRINDING BOWL
すり鉢
suribachi



LARGE WATER JARS
水がめ
mizugame



BOWL WITH SPOUT
片口
katakuchi



STORAGE JAR
壺
tsubo



COOKING POT
行平鍋
yukihiranabe



CASSEROLE
土鍋
donabe
usually used for cooking over direct flame

CUPS

yunomi to choko
湯呑みと猪口



101

SAKE CUPS
ぐい呑み
guinomi

nomiyōki
飲み容器

DRINKING VESSELS



SMALL SAKE CUPS
猪口
choko

SAKE BOTTLES
德利
tokkuri



HIP FLASK
抱瓶
dachibin



kambin
燗瓶



POTS FOR WARMING LIQUOR



choka
チョコカ



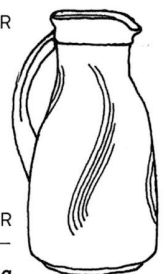
karakara*
カラカラ



MUG
マグカップ
magukappu



CUP AND SAUCER
碗皿
wanzara

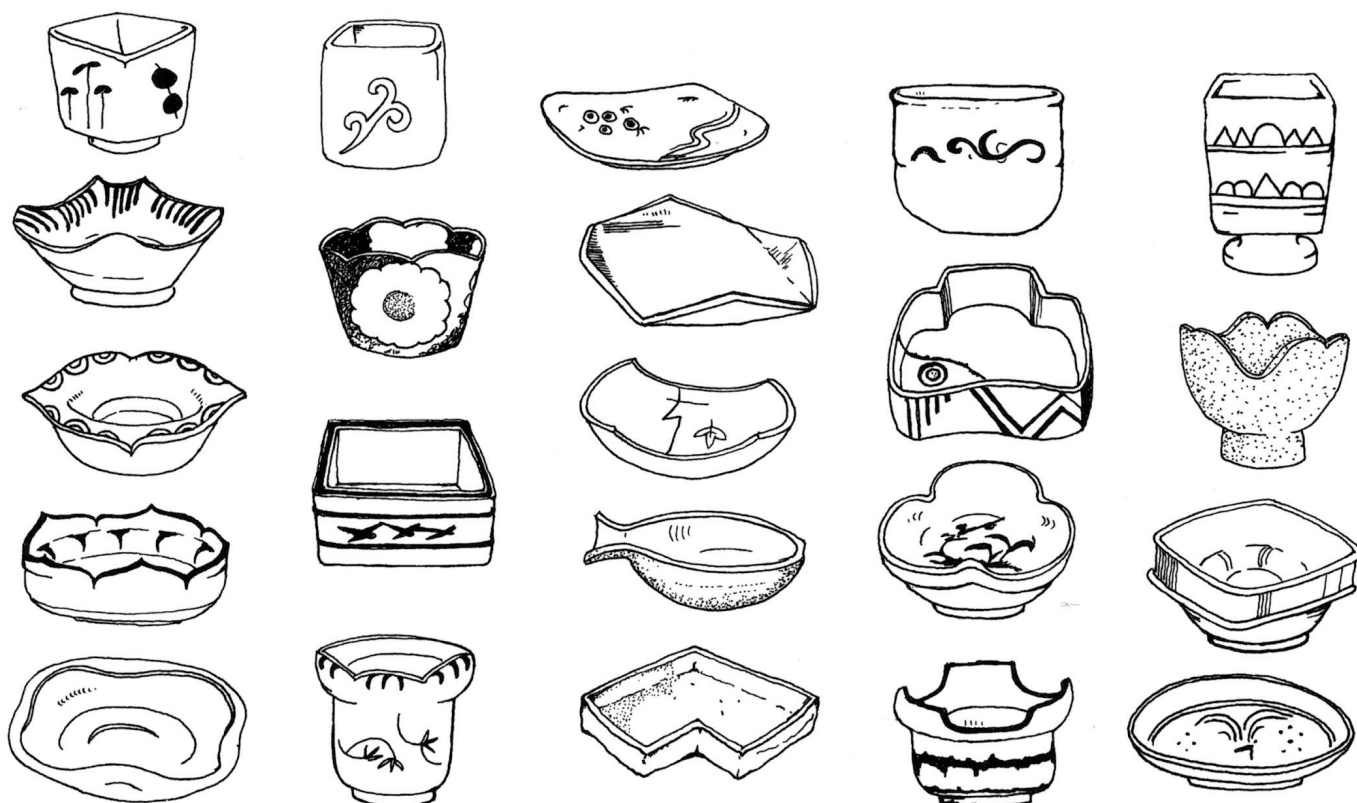


JUG / PITCHER
ジャグ、ピッチャー
jagu / picchaa

*karakara used to be made (esp. in Okinawa) enclosing beads, which would rattle to indicate the flask was empty-
karakara is said to be the sound of the rattling beads. Kara also means empty.

SMALL SERVING DISHES

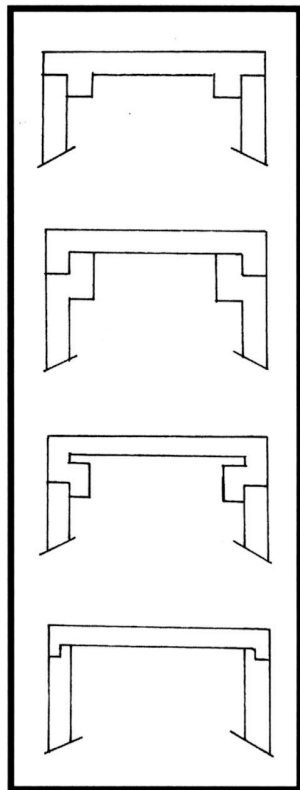
mukōzuke to kozara
向こう付と小皿



102

LIDS

futa
蓋

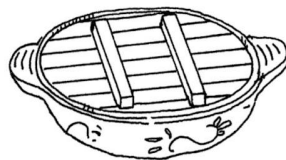


IVORY LID
象牙の蓋
zōge no futa

LAQUER LID
塗り蓋
nuribata



WOODEN LID
木の蓋 (鍋蓋)
ki no futa (nabe buta)



BENT RIM
首型
kubigata

FLAT LID
平蓋
hirabuta

DOMED LID
山蓋
yamabuta

ROLLED OVER RIM
折り曲げて作る気持
orimagete tsukuru kimochi

SPLIT GALLERY RIM
土を半分下げ
て作る気持
tsuchi o hanbun sagete
tsukuru kimochi

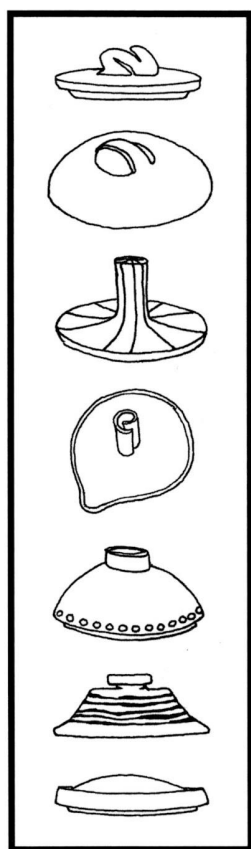
RECESSED KNOB LID
落とし蓋
otoshibuta

THE LID FITS WELL
蓋が合う
futa ga au

THE LID FITS BADLY
蓋が合わない
futa ga awanai

KNOB
つまみ
tsumami

104



105

These pages are from:
Simpson, Kitto, and Sodeotka,
The Japanese Pottery Book, Revised Edition, 2014

TYPES OF FOOT

kōdai
高台

MOST COMMON



蛇ノ目高台（普通高台）

輪高台

三日月高台

兜巾高台

二重高台

渦巻高台

貝尻高台

竹ノ節高台

割高台

wariichimonji } Koudo

刺し文定高台

割十文字高台

割一文字高台

撥高台

切高台



文字舞台

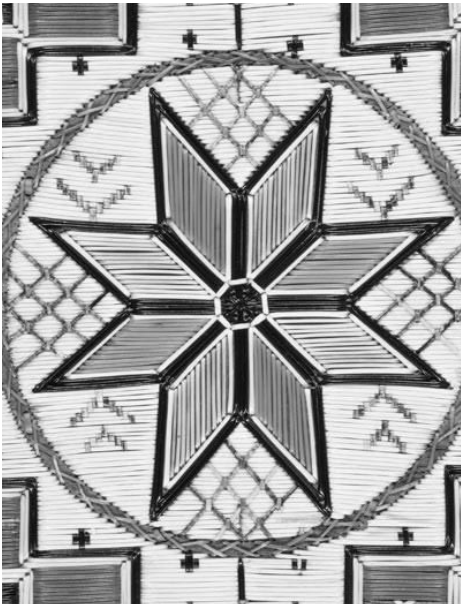
切十文字高台

切一文字高台

釘彫高台

縮緬高台

Historical Patterns from around the world



Mi'qmaq



Maliseet



Art Nouveau



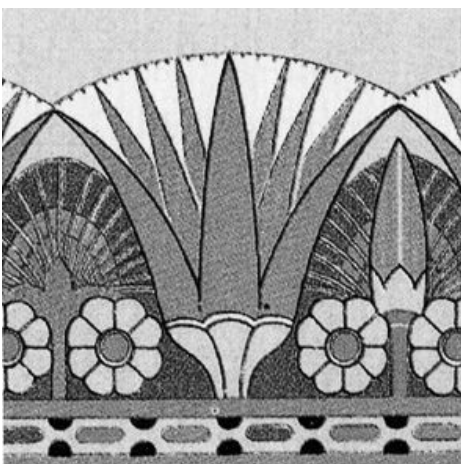
Celtic



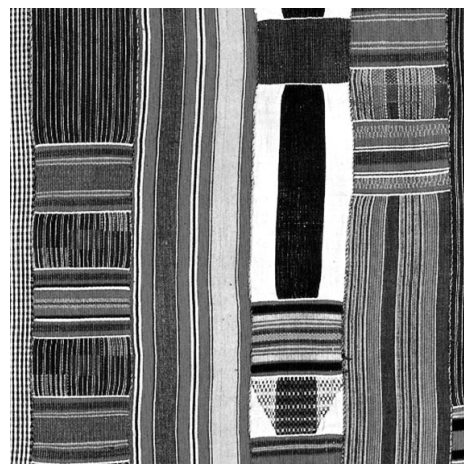
China



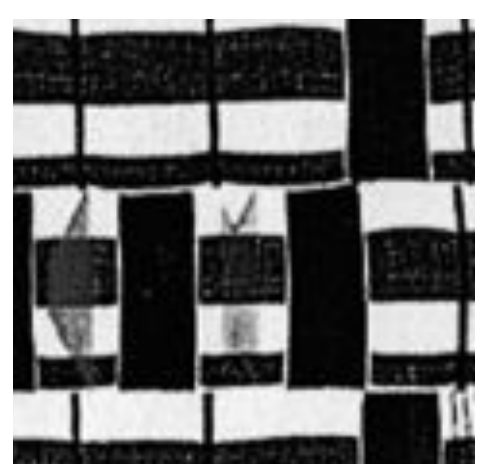
China



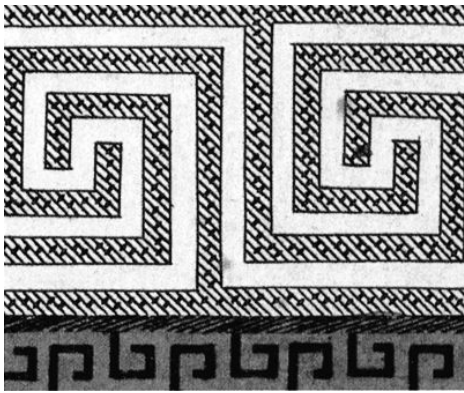
Egypt



Ghana



Ghana



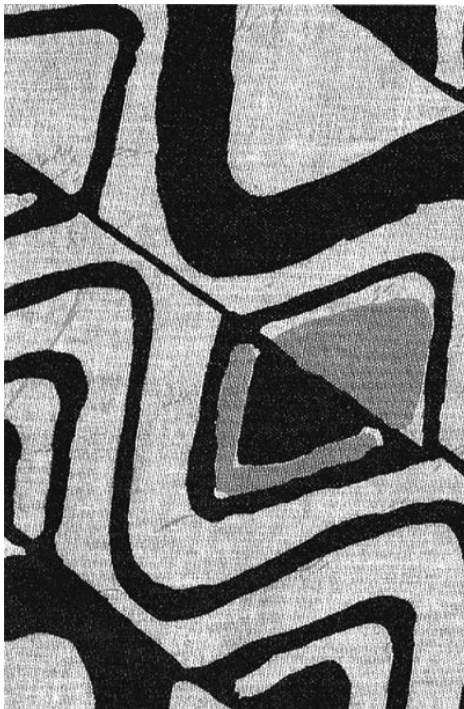
Greece



India



Japan



Mali



Navajo



Roman



Pakistan



Pacific Northwest Coast



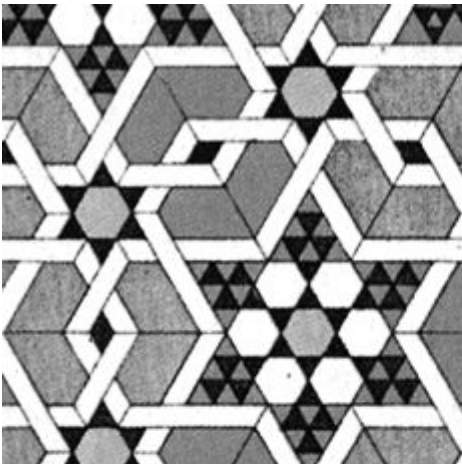
Turkmenistan



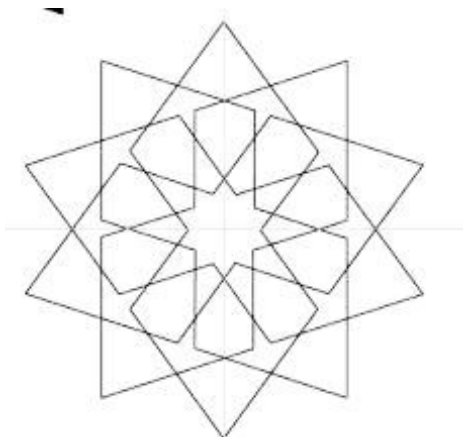
Persia



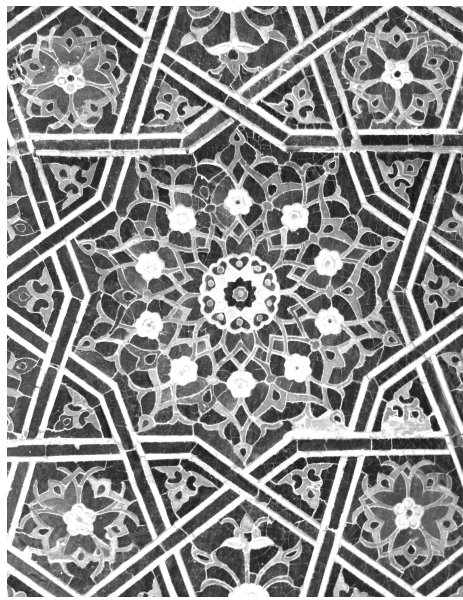
William Morris (Arts and Crafts)



Persia



Islamic pattern



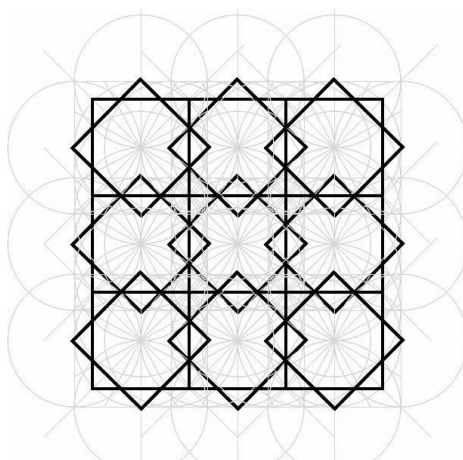
Syrian



Persia



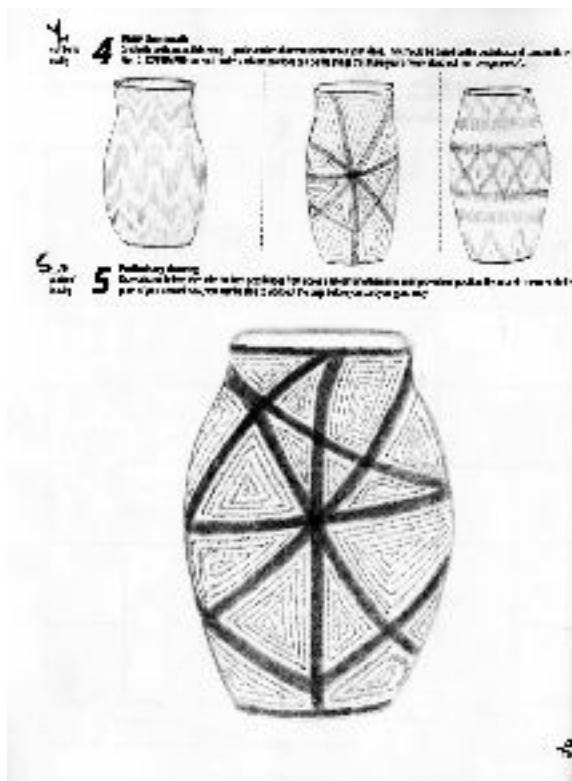
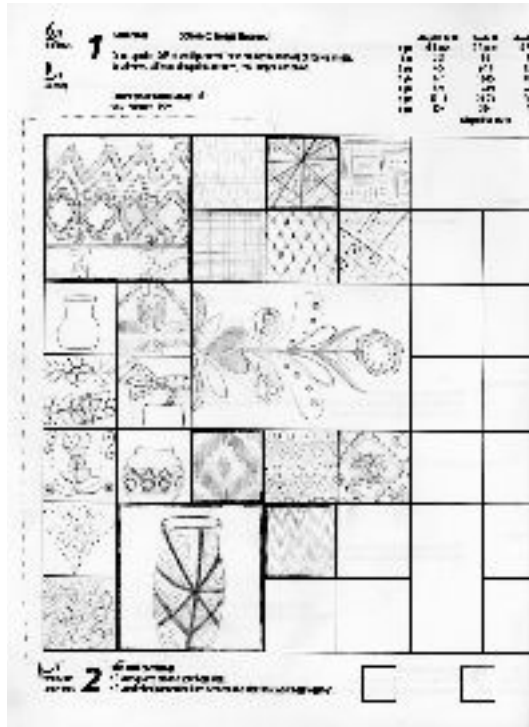
Islamic calligraphy



Islamic pattern

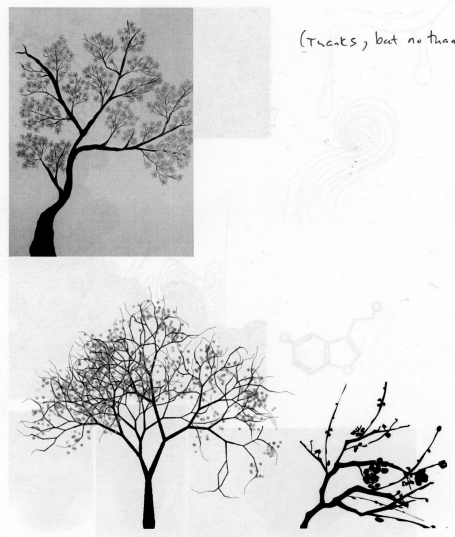
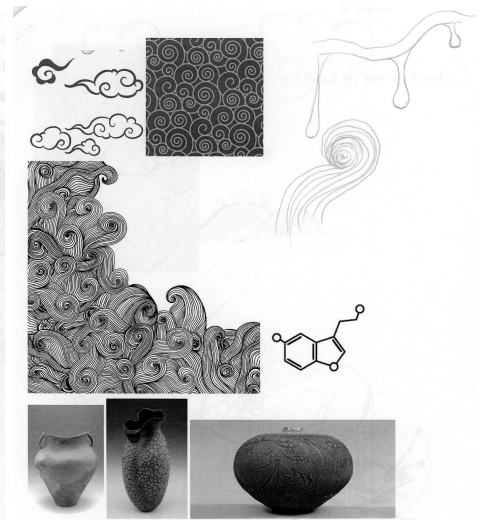
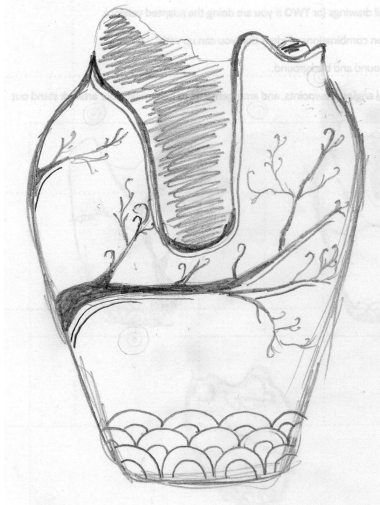
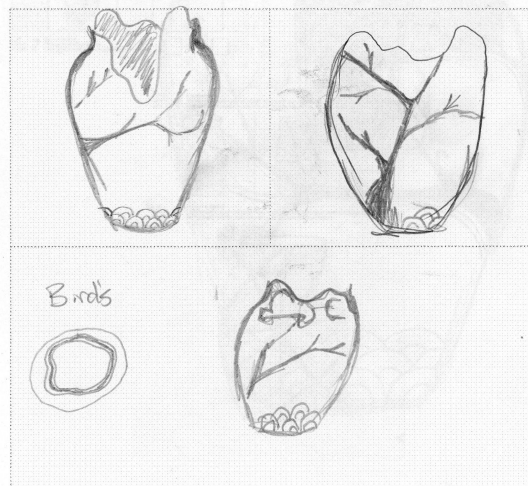
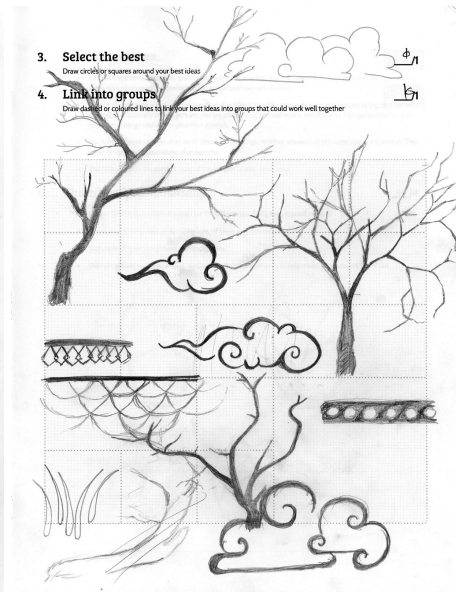
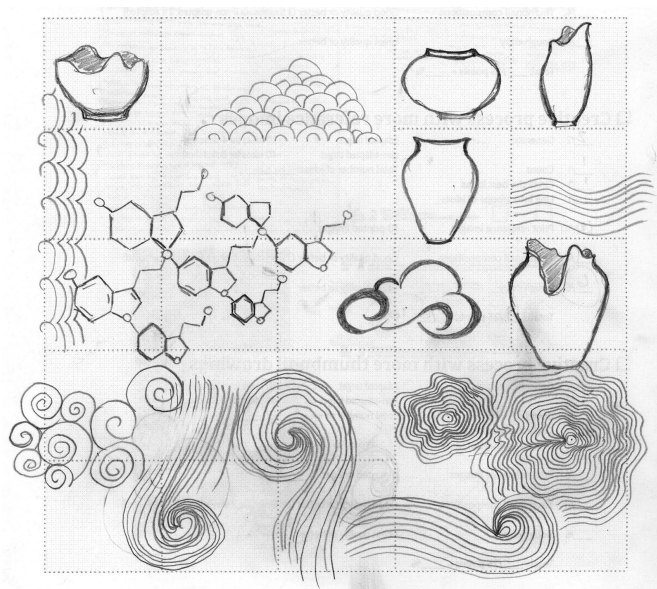
Idea generation

Linnea Sinclair's clay vessel

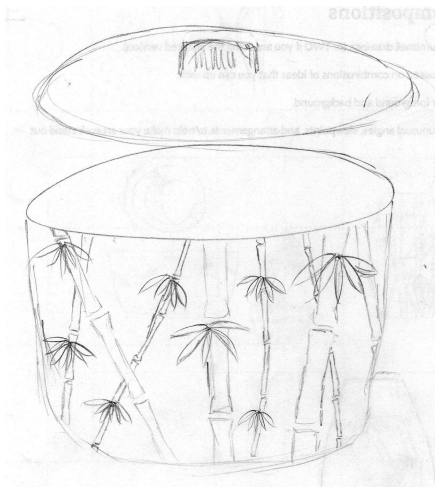
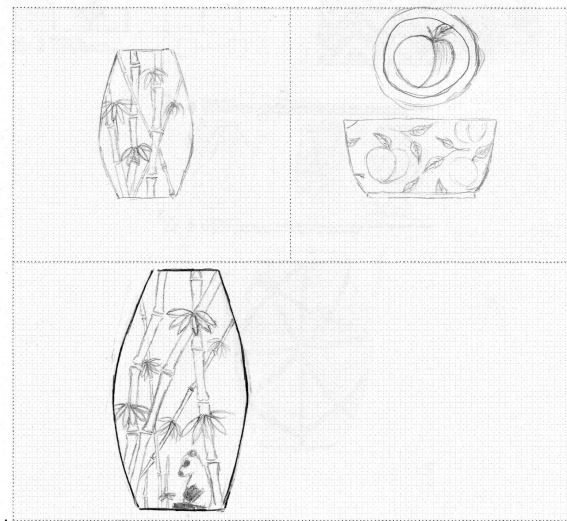
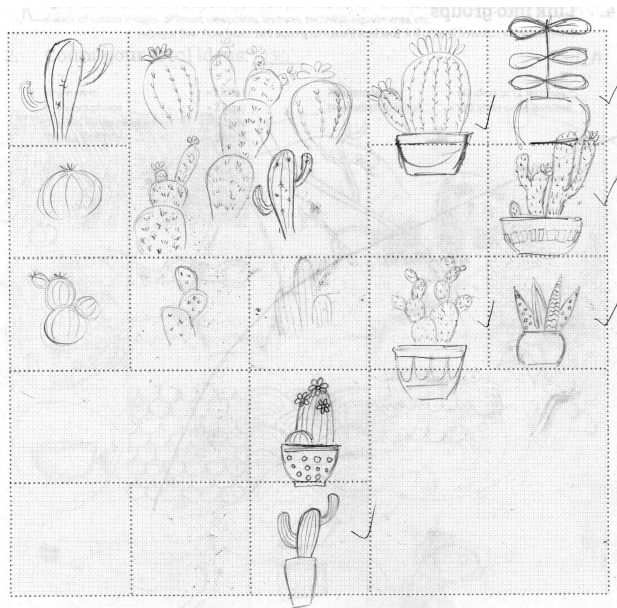
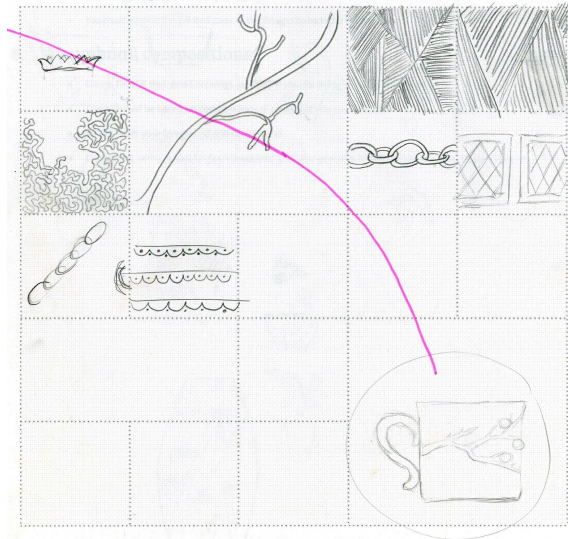
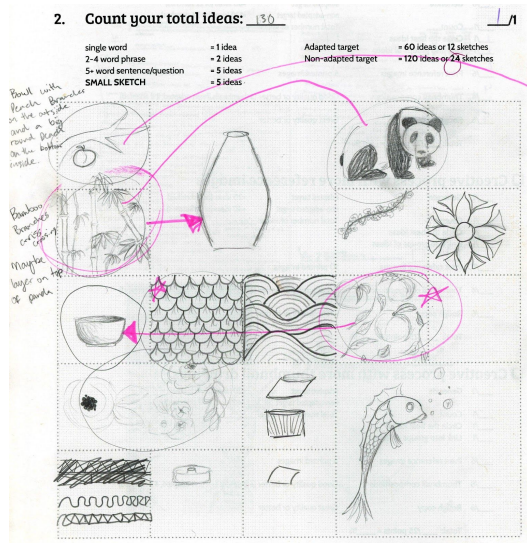


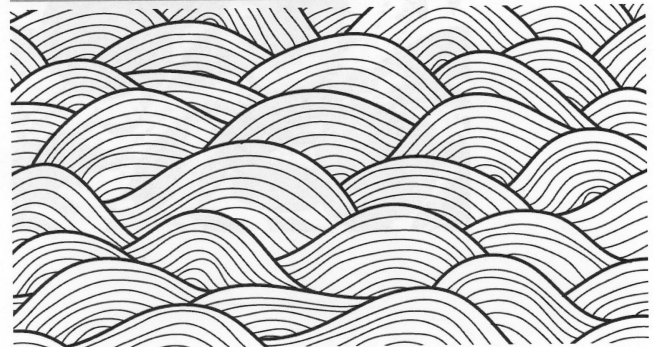
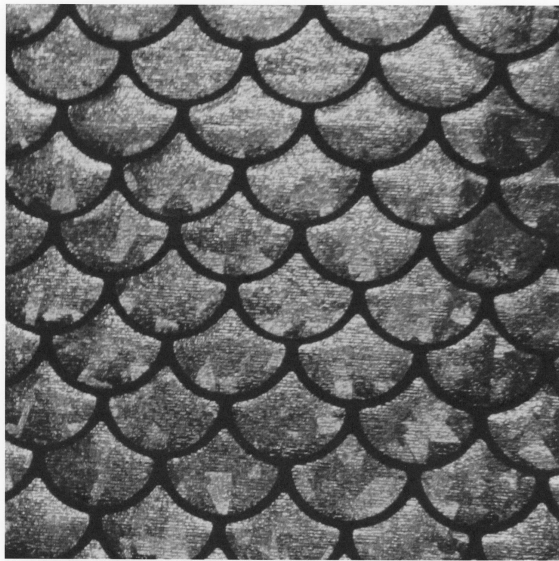
Idea generation

Antoinette O'Keefe's clay vessel



Lily Kungl's clay vessel





Idea Development

Phát triển ý tưởng

Name
Tên:

- 1 **Generate ideas/Tạo ý tưởng** — maximum of 50%/tối đa là 50%

Number of **words**/Số từ → ____ ÷ 3 = ____ %

Number of **simple** sketches/Số bản phác thảo đơn giản → ____ × 2% = ____ %

Number of **better** sketches/Số phác thảo tốt hơn → ____ × 4% = ____ %

- 2 **Select the best and join together ideas**
Chọn những ý tưởng tốt nhất và tham gia cùng họ cùng nhau
Circle the **best** ideas
Khoanh tròn những ý tưởng tốt nhất
circled/được khoanh tròn= □ 5%

Link into **groups** of ideas
Liên kết chúng thành các nhóm ý tưởng
linked/liên kết = □ 5%

- 3 **Print reference images/In hình ảnh tham khảo** — maximum of 8 images/tối đa 8 ảnh
____ images/hình ảnh x 5% = ____ %

- 4 **Thumbnail compositions/tác phẩm thumbnail** — maximum of 10/tối đa là 10 hình thu nhỏ
____ thumbnails x 8% = ____ %

- 5 **Rough copy/bản sao thô** — great quality or better/chất lượng tuyệt vời hoặc tốt hơn
____ drawing/đang vẽ x 25% = ____ %

Total/Toàn bộ = ____ %

NOTE: If you simply copy a picture from the internet, your mark drops to 25%.

LƯU Ý: Nếu bạn chỉ cần sao chép một hình ảnh từ internet, nhãn hiệu của bạn giảm xuống còn 25%.

Generate ideas

Tạo ý tưởng!

Use lists, a web map, or simple drawings to come up with a LOT of ideas! If you already have an idea in mind, choose that as your central theme and expand upon it. Let your ideas wander - one idea leads to another. Drawings can be details of source images, different viewpoints, textures, technical experiments, etc.

Sử dụng danh sách, một bản đồ trang web, hoặc bản vẽ đơn giản để đưa ra rất nhiều ý tưởng! Nếu bạn đã có một ý tưởng trong tâm trí, chọn đó là chủ đề trung tâm của bạn và mở rộng khi nó. Hãy để ý tưởng của bạn đi lang thang - một trong những ý tưởng dẫn đến khác. Bản vẽ có thể được chi tiết của hình ảnh nguồn, quan điểm khác nhau, kết cấu, các thí nghiệm kỹ thuật, vv

Adding up points for ideas/Thêm lên điểm cho ý tưởng:

Number of **words**

Số từ

→ ____ ÷ 3 = ____ %

Number of **simple** sketches

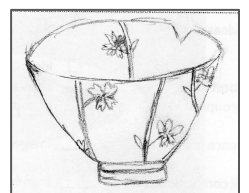
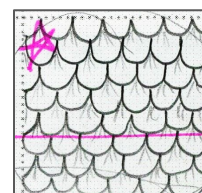
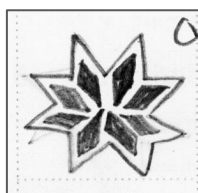
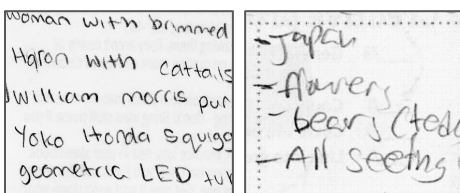
Số bản phác thảo đơn giản

→ ____ × 2% = ____ %

Number of **better** sketches

Số phác thảo tốt hơn

→ ____ × 4% = ____ %



Select the best

Chọn sản phẩm tốt nhất

Draw circles or squares around your best ideas.

Vẽ hình tròn hoặc hình vuông xung quanh ý tưởng tốt nhất của bạn

☐ You have selected the best 3-7 ideas = 5%

Bạn đã chọn 3-7 ý tưởng tốt nhất = 5%

Link the best into groups

Liên kết là tốt nhất thành các nhóm

Draw dashed or coloured lines to link your best ideas into groups that could work well together.

Vẽ đường đứt nét hoặc màu để liên kết những ý tưởng tốt nhất của bạn thành các nhóm có thể làm việc tốt với nhau.

☐ You have joined the best ideas with lines = 5%

Bạn đã tham gia ý tưởng tốt nhất với lines = 5%

Print references

tài liệu tham khảo In

Number of reference photos

Số các bức ảnh tham khảo → ____ × 5% = ____%

- Print **SIX** reference images so you can accurately observe the challenging parts of your artwork. Taking your own and using your own photographs is preferred, but image searches are also fine.
In sáu hình ảnh tham khảo, do đó bạn có thể quan sát một cách chính xác những phần thách thức của tác phẩm nghệ thuật của bạn. Chụp và sử dụng hình ảnh của riêng bạn được ưa thích, nhưng tìm kiếm hình ảnh cũng rất tốt.
- **Do not simply copy a picture that you find.** The idea is to edit and combine source images to create your own artwork. If you simply copy a picture, you are plagiarizing and will earn a zero for your idea generation and any criteria involving creativity in your final artwork.
Đừng chỉ cần sao chép một hình ảnh mà bạn tìm thấy. Ý tưởng là để chỉnh sửa và kết hợp hình ảnh nguồn để tạo ra tác phẩm nghệ thuật của riêng bạn. Nếu bạn chỉ cần sao chép một hình ảnh, bạn đang ăn cắp và sẽ kiếm được một số không cho thể hệ ý tưởng của bạn và bất kỳ tiêu chí liên quan đến sự sáng tạo trong tác phẩm nghệ thuật cuối cùng của bạn.
- Up to half of your pictures may be of drawings, paintings, or other artworks of others to use as inspiration. The other images must be realistic photographs.
Cho đến một nửa số hình ảnh của bạn có thể được các bản vẽ, tranh vẽ, hoặc tác phẩm nghệ thuật của người khác để sử dụng làm nguồn cảm hứng. Các hình ảnh khác phải hình ảnh thực tế.
- You must hand in the **printed** copy of the images to earn the marks.
Bạn phải nộp lại bản in của những hình ảnh để kiếm được điểm.

Thumbnail compositions

tác phẩm thumbnail

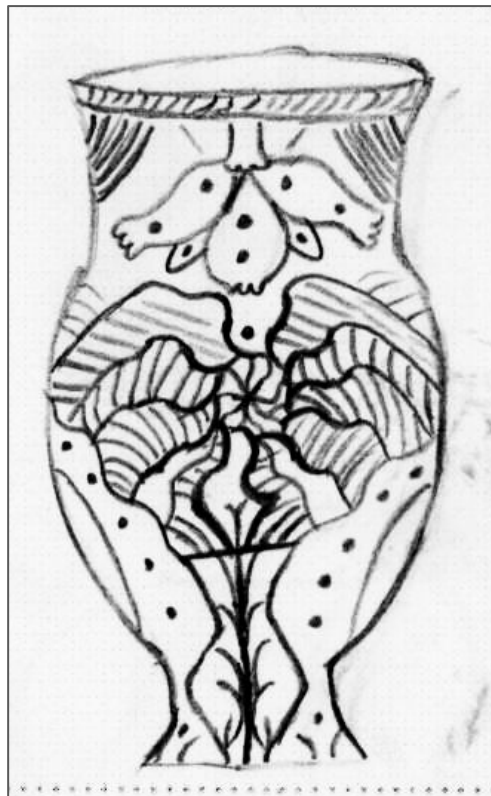
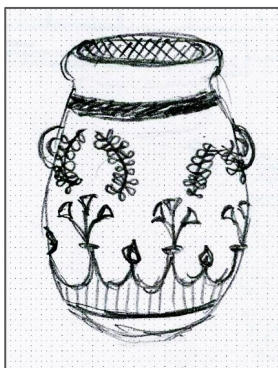
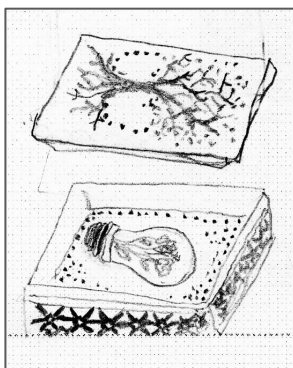
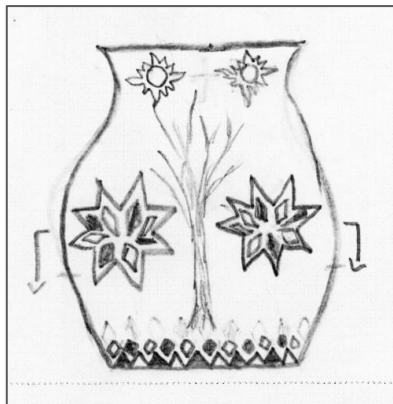
- Create **TWO or more** thumbnail drawings anywhere in the idea development section.
Tạo HAI hoặc nhiều thumbnail bản vẽ bất cứ nơi nào trong phần phát triển ý tưởng.
- These should be based on combinations of ideas that you can up with. Include your **background**.
Những nên được dựa trên sự kết hợp của những ý tưởng mà bạn đưa ra. Bao gồm nền của bạn.
- Experiment with unusual angles, viewpoints, and arrangements to help make your artwork stand out.
Thử nghiệm với góc độ khác thường, quan điểm, và sắp xếp để giúp làm cho tác phẩm nghệ thuật của bạn nổi bật.
- Draw a frame around your thumbnails to show the edges of the artwork.
Vẽ một khung xung quanh hình thu nhỏ để hiển thị các cạnh của tác phẩm nghệ thuật.

Adding up points for THUMBNAIL drawings

Thêm lên điểm cho bản vẽ THUMBNAIL

Number of **thumbnail** drawings

Số thu nhỏ bản vẽ → ____ × 8% = ____%

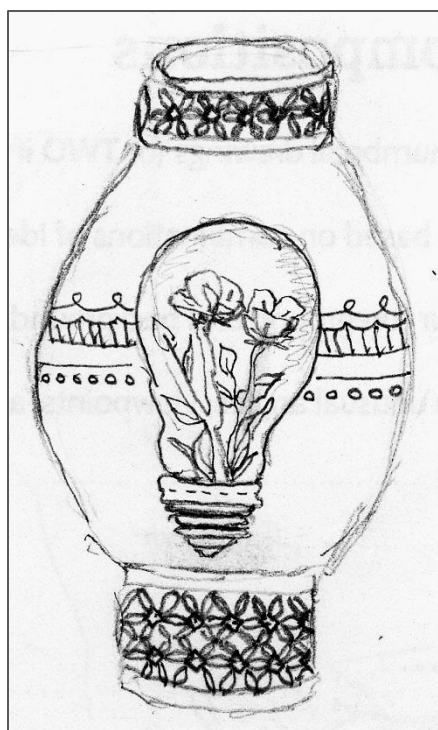
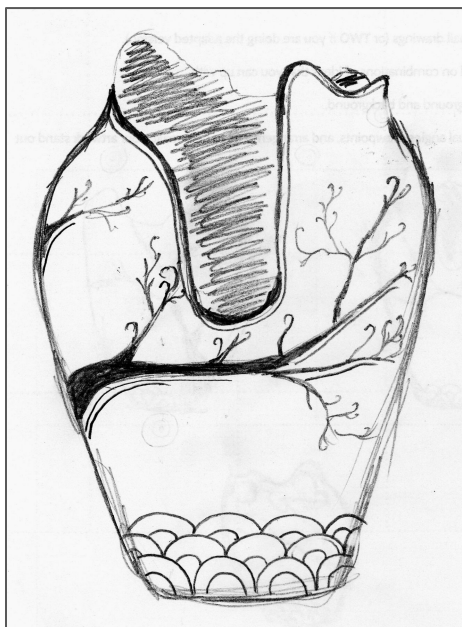


Examples of ROUGH drawings

Ví dụ về các bản vẽ thô

Rough drawing

vẽ thô → up to 25% = ____%



Rough drawing

vẽ thô

- Take the best ideas from your thumbnails and combine them into an improved rough copy.
Lấy ý tưởng tốt nhất từ hình thu nhỏ của bạn và kết hợp chúng thành một bản sao thô được cải thiện.
- Use this to work out the bugs and improve your skills before you start the real thing.
Sử dụng điều này để làm việc ra các lỗi và cải thiện kỹ năng của bạn trước khi bạn bắt đầu thật.
- If you are using colour, use paint or coloured pencil to show your colour scheme.
Nếu bạn đang sử dụng màu sắc, sử dụng sơn hoặc bút chì màu để hiển thị màu sắc của bạn.
- Draw in a frame to show the outer edges of your artwork.
Vẽ trong một khung để hiển thị các cạnh bên ngoài của tác phẩm nghệ thuật của bạn.
- **Remember to choose a non-central composition.**
Hãy nhớ chọn một thành phần phi tập trung.



Rowan LaPointe, Spring 2023



Erica Hastings-James, Spring 2023



Eunsu Lee, Spring 2023



Alana Natte, Spring 2023



Alexa Maillet, Spring 2023



Nuala Kazi, Spring 2023



Snail/Mace Munro, Spring 2023



Livia Dias Bestteti Santos, Fall 2023



Raelyn Davis, Spring 2023



Taryn Donnelly, Spring 2023



Izzy Hussey, Spring 2023



Razan Izeldin, Spring 2023



Esra Hussein Ali Mahmoud, Fall 2023



Islau Hamadi Juma, Fall 2023



Marina Saez Vinals, Fall 2023



Kadince Hunter, Fall 2023



Payton Lohnes, Fall 2023



Braedan Alguire, Fall 2023



Carson Shea, Fall 2023



Cami Raquet, Fall 2023



Elijah Cochrane, Fall 2024



Shannen Irvine, Fall 2023



Tina Chandra Sekar, Fall 2023



Lisa Khutjwe, Fall 2023